

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC
NGUYỄN HOÀNG YẾN. *Truyện cười
dân gian Việt Nam dưới góc độ
dụng học*

Chuyên ngành: Lý luận ngôn ngữ

Mã số: 62.22.01.01

Trong vài thập kỷ gần đây các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học đã tập trung nghiên cứu nhiều về Dụng học (ngôn ngữ trong sử dụng). Việc ứng dụng lý thuyết dụng học (gồm hàm ý hội thoại, phép lịch sự, lập luận và chỉ thị) vào nghiên cứu truyện cười dân gian Việt Nam nhằm không chỉ nhận ra những vấn đề nổi trội được sử dụng trong truyện để đạt được mục đích nhất định, chứ không đơn giản là tiếng cười mua vui, mà còn có thể tìm đến một vài hiện tượng bổ sung mà lý thuyết chưa có điều kiện để nêu (hàm ý hội thoại, phép lịch sự, lập luận và chỉ thị). Trong khi các hiện tượng này trong truyện cười dân gian Việt Nam không chỉ có tần số xuất hiện lớn mà quan trọng hơn là chúng góp phần tích cực, gắn bó trực tiếp hoặc gián tiếp với việc tổ chức nên cốt truyện và dẫn dắt truyện đến cái kết cục tạo nên tiếng cười của truyện có chứa chúng. Tuy nhiên, việc nghiên cứu nội dung này còn ít được quan tâm.

Để bổ sung vào chỗ còn bỏ ngỏ ấy, nghiên cứu sinh Nguyễn Hoàng Yến đã lựa chọn vấn đề “*Truyện cười dân gian Việt Nam dưới góc độ dụng học*” làm đề tài nghiên cứu cho bản luận án của mình.

Ngoài phần mở đầu, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 3 chương và kết luận (165 tr.).

Trên cơ sở nghiên cứu các hiện tượng của Dụng học (thuộc Hàm ý hội thoại, Phép lịch sự, Lập luận và Chỉ thị) trong chức năng tạo tiếng cười luân lý trong cơ cấu của truyện cười dân gian Việt Nam (gồm 215 truyện trong cuốn Tiếng cười dân gian Việt Nam (do tác giả Trương Chính và Phong Châu sưu tầm và tuyển chọn), luận án đã tìm hiểu, xác nhận những vấn đề lý thuyết có quan hệ đến việc khai thác đề tài luận án; nhận diện và miêu tả, phân tích các hiện tượng thuộc về dụng học liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu; và chỉ ra tác dụng và năng lực của các hiện tượng thuộc dụng học trong việc tạo ra tiếng cười châm biếm mang chất luân lý trong truyện cười dân gian Việt Nam.

Chương I (tr.10-56) tìm hiểu, xác nhận những *vấn đề lý thuyết có quan hệ đến việc khai thác đề tài* luận án. Tác giả chọn lọc các kiến thức cơ bản và cần thiết trong các công trình nghiên cứu có uy tín trong nước và ngoài nước, nhằm xây dựng cơ sở để định hướng cách hiểu vấn đề và cách khai thác các hiện tượng hữu quan được đặt ra xung quanh tiếng cười trong ngữ liệu đã được chọn.

Về “tiếng cười” trong truyện cười dân gian Việt Nam, qua các tài liệu nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam và việc khảo sát phẩm chất của tiếng cười trong truyện cười dân gian Việt Nam, có thể khẳng định rằng tiếng cười “vui” trong loại truyện này chỉ là phương tiện để đạt đến tiếng cười “châm biếm” có ý nghĩa luân lý, rõ nhất là có truyện trong đó tiếng cười “vui” vắng bóng mà vẫn được xếp vào truyện cười

dân gian Việt Nam. “Cái cười” mục đích trong truyện cười dân gian Việt Nam là “cái cười luân lý châm biếm”.

Về dụng học, tác giả khái quát và làm sáng tỏ các vấn đề: hàm ngôn trong quan hệ với hiển ngôn; tiền giả định; hàm ý hội thoại, phép lịch sự; quy chiếu; và lập luận. Trong đó, theo tác giả, phần chưa được quan tâm nhiều là hàm ý hội thoại, nhất là các điều kiện nhận diện cụ thể giúp cho việc phân tích thành công. Các hàm ý được nhận diện thông qua các điều kiện tồn tại của hàm ý (1/ có phát ngôn mới có thể có hàm ý, nhưng không phải phát ngôn nào cũng chứa hàm ý và 2/ hàm ý được nhận biết nhờ người nghe có năng lực giải đoán nó, nếu người nghe không giải đoán được, hàm ý như là không tồn tại đối với người đó) và các điều kiện thành công trong cách sử dụng hàm ý trong quá trình hội thoại (1/ người nghe có cộng tác với người nói dùng hàm ý, để nhận biết hàm ý và 2/ người nói nắm được năng lực giải đoán hàm ý của người nghe, để đưa ra hàm ý thích hợp).

Chương II: Các nguyên tắc và phép lịch sự với hàm ý trong truyện cười (tr.57-110). Để làm rõ các hàm ý hội thoại, tác giả tiến hành phân tích nguyên tắc cộng tác của Grice và phương châm lịch sự trong các diễn ngôn hội thoại trong truyện cười dân gian Việt Nam. Tác giả chỉ rõ:

- *Hàm ý* xuất hiện trong phát ngôn nhưng không phải hàm ý nào xuất hiện cũng thành công ngay trong một phát ngôn. Mỗi hàm ý tồn tại và được sử dụng thành công đều có liên quan đến nguyên tắc cộng tác của Grice. Người nói cố tình không tuân thủ quy tắc đã biết, người nghe hiểu chủ ý của người

nói và chấp nhận cộng tác. Cụ thể, trong các truyện cười/tình huống hiện tại người ta nói giả định rằng: (i) nói thừa/thiếu thông tin mà người nghe cần biết (lượng), (ii) nói điều không chân thực, không chứng minh thỏa đáng được (chất), (iii) nói xa đề, lạc đề (quan hệ), (iv) nói tối nghĩa, dài dòng, vắn tắt,... (cách thức). Trong đó (ii) là cách thức thông dụng nhất (47,66%) được người nói hay dùng.

- *Phương châm hội thoại* liên quan đến hàm ý có mặt trong 107 truyện. Ở mỗi phương châm, hàm ý trong từng truyện làm ví dụ được khai thác lần lượt theo các bước: (i) tình huống chứa hàm ý, (ii) phát ngôn chứa hàm ý, (iii) phân tích phương châm hội thoại liên quan đến hàm ý và nội dung của hàm ý, (iv) nhận xét về vai trò của hàm ý trong việc góp phần tạo ra tiếng cười của truyện và cái đích của tiếng cười, (v) nhận xét về việc giải đoán hàm ý (khi cần thiết). Kết quả là: 9 truyện liên quan đến phương châm lượng, 51 truyện – phương châm chất, 19 truyện – phương châm quan hệ, 28 truyện – phương châm cách thức.

Số lượng hàm ý trực tiếp gắn với các phương châm hội thoại là rất lớn, điều này khẳng định thêm giá trị giải thích kiểu “ý nghĩa không tự nhiên” trong lý thuyết của Grice. Mặt khác, tiếng cười sâu sắc trong truyện cười dân gian Việt Nam được tạo ra bằng hàm ý nhiều hơn tuyệt đối so với cách diễn đạt tường minh.

- *Phương châm lịch sự* cũng có hiện tượng không được người nói tuân thủ một cách có chủ ý để tạo nên hàm ý hội thoại. Trong tiếng cười dân gian Việt Nam hàm ý gây cười liên quan đến phương châm lịch sự có hai dạng chủ yếu (đe dọa thể diện và thiếu khiêm tốn).

Hàm ý hội thoại liên quan đến phương châm lịch sự có 20 truyện, trong đó 12 truyện liên quan đến “đe dọa thể diện”, 7 truyện liên quan đến “thiếu khiêm tốn”, 1 truyện liên quan đến cả hai phương diện vừa nêu.

Do đặc điểm về mặt cấu trúc của truyện cười, hội thoại thường xuất hiện ở phần tình huống kết thúc và giữ một vai trò quan trọng trong việc tạo ra hàm ý và gây ra tiếng cười. Vì vậy, đa số hàm ý xuất hiện gắn với tình huống kết thúc truyện. Các hàm ý xuất hiện ở tình huống ban đầu và phần dẫn truyện đóng vai trò nguyên nhân, điều kiện để hiểu hàm ý trong tình huống cuối cùng. Do đó nội dung hàm ý góp phần tăng cường tính đối lập hoặc tạo sự bất ngờ. Tiếng cười được tạo ra thêm sâu sắc, bài học luân lý mặc nhiên cũng được rút ra một cách hàm ẩn.

Trong khi phân tích và làm rõ hàm ý hội thoại trong truyện cười dân gian với phương châm hội thoại và phương châm lịch sự, tác giả cũng đã khái quát hóa lên thành mô hình cụ thể minh chứng cho vấn đề nghiên cứu.

Chương III (tr.111-150) khảo sát các kiểu *lập luận và phương thức chỉ thị* (thể hiện qua quy chiếu) *dùng cho việc tạo ra tiếng cười*. Lập luận và chỉ thị được xem xét ở đây tuy vẫn liên quan đến nguyên tắc cộng tác của dụng học, nhưng chúng là các phương thức và phương tiện đặc thù trong việc tạo nghĩa đã được xác nhận một cách chuyên môn.

Về lập luận: các lập luận được khảo sát cho thấy các truyện kể dân gian sử dụng lập luận rất phong phú về hình thức, đây là “cơ sở vững chắc và hợp lý” (hiểu là cả “cơ sở đúng” lẫn “cơ sở sai”

trong lập luận) trong cách suy nghĩ của các nhân vật hữu quan, tạo tiền đề cho các hàm ý thâm thúy mà khi được tường minh hóa thì có tác dụng gây cười không cưỡng được.

Một trong những giá trị của việc sử dụng lập luận có tính chất mâu thuẫn đó là cách lập luận của các nhân vật trong truyện có vẻ như là “đúng đấy mà sai đấy”, sai đến mức đáng chê cười.

Về quy chiếu: Quy chiếu là một trong các phương tiện đặc lực giúp cho việc tạo ra hàm ngôn bằng cách không gắn với phương châm về cách thức (nói mơ hồ) hoặc phương châm về chất (nói không chân thực). Trong cả hai trường hợp, quy chiếu đều trực tiếp hoặc gián tiếp với phương châm cách thức, nhưng quy chiếu có tính chất riêng của nó là *có sử dụng các phương tiện quy chiếu* để tạo ra tính mơ hồ, tính không chân thực và việc nghiên cứu của luận án chỉ được đặt ra đối với các trường hợp có sử dụng phương tiện quy chiếu này.

Số truyện chứa hiện tượng quy chiếu được khai thác là 10 truyện, chưa kể những truyện có hiện tượng quy chiếu khá giống truyện đã được phân tích (các truyện như vậy không được khai thác để tránh nhầm lẫn, phần lớn đó là các truyện về “nói khoác” theo cùng một kiểu).

Ứng dụng lý thuyết của dụng học, cụ thể là các nội dung liên quan đến Nguyên tắc cộng tác, Hàm ý hội thoại, Phép lịch sự, Lập luận và Quy chiếu vào *việc phân tích truyện cười dân gian Việt Nam*, tác giả rút ra *một số đặc điểm nổi bật* sau:

- Hàm ý xuất hiện trong một phát ngôn, nhưng nó có thể được người nói sử dụng các phát ngôn bổ sung theo hướng

làm lộ phần nào ý của hàm ý, như là giúp người nghe dễ giải đoán hơn. Về mặt lý thuyết dụng học, có thể coi đó là trường hợp người nói dự kiến khả năng giải đoán hàm ý thấp của người nghe. Tuy nhiên, trong truyện cười, việc dùng hàm ý có chứa phát ngôn bổ sung chủ yếu là “nghệ thuật” dắt dẫn truyện để có thể tổ chức thành công sự xuất hiện của tiếng cười sau cùng. Chính “nghệ thuật” này khiến người đọc nóng lòng dần sâu vào truyện để xem cuối cùng các nút thắt được tháo gỡ như thế nào.

- Không ít truyện chứa hơn một hàm ý, hàm ý nào xuất hiện sớm thường đóng vai trò cái cớ, hay điều kiện cho sự xuất hiện hàm ý tiếp theo, để cuối cùng đạt đến thành công của việc sử dụng chuỗi hàm ý. Hàm ý nằm trong phát ngôn kết thúc truyện có vai trò quan trọng hơn cả, bởi tính chất đột biến của nó và bởi tác dụng lớn hơn của nó trong việc tạo ra tiếng cười.

- Nội dung của hàm ý có quan hệ với đề tài (hoặc chủ đề) trong truyện, thể hiện qua lời nói hoặc hành động nêu trong truyện và thường được tạo ra theo kiểu có các kết cục mang tính thất thường, tính phi lý, nhờ đó đem đến người đọc một cái cười đầy ý nghĩa. Đó chủ yếu là cái cười tố cáo các thói hư tật xấu của các đối tượng hoặc đối lập với người bình dân, hoặc giữa những người bình dân với nhau. Tiếng cười của truyện cười dân gian về thực chất là tiếng cười luân lý, phản đối cái ác, hướng đến cái thiện, cho nên bao giờ nó cũng được người bình dân yêu quý.

Về mặt lý thuyết hàm ý hội thoại, kết quả nghiên cứu của luận án góp

phần làm rõ thêm: đối với lĩnh vực chuyên môn là gây cười trong truyện dân gian, việc người nói dùng hàm ý mà cố tình để cho người nghe không giải đoán được là một trong những thủ pháp gây cười, chứ không phải là sự thất bại trong việc dùng hàm ý; việc sử dụng hàm ý nối tiếp thành loạt là một thủ pháp “tích tụ” các điều kiện để dẫn đến một sự bùng nổ có trọng lượng lớn hơn về một phương diện nào đó; hàm ý hội thoại dễ dàng được khám phá trực tiếp trong quan hệ với các phương châm hội thoại, nhưng không ít trường hợp phải phân tích thông qua các phương tiện trung gian như các phương tiện của chỉ thị, đặc biệt là trong cách tổ chức các lập luận.

Về tính khả thi của các kết quả nghiên cứu, tác giả nêu thành hai điểm: hướng phân tích hàm ý đối với truyện cười dân gian được thực hiện trong luận án có thể được sử dụng theo lối loại suy vào việc nghiên cứu các loại hình diễn ngôn khác, nhằm làm tăng sức mạnh giải thích chúng theo đường lối của phân tích diễn ngôn và bằng lý thuyết dụng học; hai, cách khai thác diễn ngôn truyện cười trong luận án là một gợi ý hữu ích đối với công tác nghiên cứu phê bình và công tác giảng dạy các kiểu loại diễn ngôn, kể cả diễn ngôn nghệ thuật lẫn diễn ngôn phi nghệ thuật.

Luận án bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, năm 2011.

*PV.
giới thiệu*